

QUAN HỆ VIỆT NAM - CỘNG HÒA DÂN CHỦ ĐỨC (1950-1990) QUA TÀI LIỆU LƯU TRỮ

ĐÀO ĐỨC THUẬN

PHẠM THU QUỲNH

Trường ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn

1. Sự hình thành quan hệ Việt Nam – CHDC Đức (1950 – 1990)

Quan hệ Việt Nam – Cộng hòa dân chủ (CHDC) Đức được chính thức thiết lập khi Chính phủ nước CHDC Đức cùng với một số quốc gia khác ra tuyên bố công nhận Nhà nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa (DCCH) là một quốc gia độc lập, tự chủ vào ngày 08/02/1950¹, chỉ vài tháng sau khi nhà nước CHDC Đức tuyên bố thành lập. Sau khi Nhà nước CHDC Đức tan rã vào năm 1990, lịch sử mối quan hệ Việt - Đức này chuyển sang một trang mới. Trên thực tế, sự chia cắt về lãnh thổ ở cả hai nước Việt Nam và Đức đã dẫn đến mối quan hệ Việt – Đức thời kỳ 1950 – 1990 trên cơ sở sự tồn tại của hai mối quan hệ Hà Nội – Đông Berlin và Sài Gòn - Bonn. Trong bài viết này, chúng tôi chỉ giới hạn đề cập tới quan hệ giữa Việt Nam DCCH (từ năm 1976 là CHXHCN Việt Nam) và CHDC Đức, tức trục Hà Nội – Đông Berlin trong giai đoạn 1950 – 1990.

Mối quan hệ giữa Việt Nam và CHDC Đức ngay từ khi mới hình thành đã tỏ rõ sự chân thành, tin tưởng và giúp đỡ lẫn nhau. Khi Nhà nước Việt Nam non trẻ gặp vô vàn khó khăn trong cuộc đấu tranh không cân sức với bọn thực dân, đế quốc cướp nước thì nhân dân Đức giúp đỡ, ủng hộ về vật chất lẫn tinh thần. Năm 1956, Ủy ban đoàn kết với Việt Nam được thành lập, và suốt trong những năm sau đó đã hoạt động tích cực cho mục tiêu xây dựng một đất nước Việt Nam thống nhất, giàu đẹp, tự chủ. Trong thời kỳ đó nhân dân Đông Đức đã quyên góp hàng trăm

triệu Mác mua thiết bị, hàng hóa ủng hộ Việt Nam; công nghiệp Đức ưu tiên sản xuất những đơn đặt hàng của Việt Nam; thanh niên, công nhân Đức hiến máu nhân đạo, các nghệ sĩ Đức sáng tác nhiều tác phẩm xúc động ca ngợi cuộc chiến đấu anh dũng của nhân dân Việt Nam và lên án hành động xâm lược của đế quốc Mỹ; trên đất Đức đã diễn ra hàng trăm cuộc biểu tình, kêu gọi chấm dứt chiến tranh tại Việt Nam (kể cả trên phần lãnh thổ Tây Đức với phong trào chống chiến tranh của đế quốc Mỹ tại Việt Nam cuối những năm 1960).

Từ rất sớm, hàng loạt các hiệp ước hữu nghị, các hiệp định, nghị định thư về hợp tác kinh tế, khoa học kỹ thuật, văn hóa, giáo dục, y tế,... đã được đều đặn ký kết giữa chính phủ hai nước. Với kinh nghiệm của người đi trước và tiềm lực vật chất, CHDC Đức đầu tư, hỗ trợ Việt Nam phát triển kinh tế, chuyển giao công nghệ, tri thức, giúp đào tạo nguồn nhân lực và giải quyết việc làm thông qua hình thức nhận lao động Việt Nam sang Đức làm việc. Cũng trong quan hệ với CHDC Đức, vai trò của Việt Nam ngày càng được đánh giá cao hơn, thể hiện rõ tính hai chiều. Nhà nước Việt Nam, dù non trẻ vẫn tỏ rõ thái độ kiên quyết phản đối các thế lực phản động Tây Đức, tuyên bố hết lòng ủng hộ nhân dân Đông Đức. Sau này, trong hợp tác lao động giữa hai nước, người lao động Việt Nam cũng luôn được đánh giá rất cao về tinh thần làm việc, kỷ luật và khả năng hòa nhập. CHDC Đức ghi nhận quá trình người lao động Việt Nam làm việc trên đất Đông Đức như là sự đóng góp vào sự nghiệp xây dựng,

phát triển đất nước Đức. Cũng chỉ với CHDC Đức, giá trị trao đổi thương mại của Việt Nam lần đầu tiên ở vị trí xuất siêu. Điều đó không chỉ là sự khích lệ đối với một nền kinh tế còn quá nhỏ bé đang trong khói lửa chiến tranh, mà nó còn thể hiện rõ ràng sự gần gũi, ưu ái, ưa chuộng hàng Việt của nhân dân Đức, mở ra triển vọng tốt đẹp cho quan hệ thương mại song phương trong tương lai.

Mối quan hệ giữa Việt Nam và CHDC Đức từ khi được thiết lập cho đến năm 1990 đã chứng tỏ là mối quan hệ chân thành, trong sáng, thuần nhất, không có bất kỳ mâu thuẫn, gián đoạn hay xung đột lớn nào. Khi Nhà nước CHDC Đức sụp đổ và sau đó sáp nhập vào Tây Đức để trở thành Nhà nước CHLB Đức thống nhất, lịch sử mối quan hệ này đồng thời cũng chuyển sang một trang mới, vượt qua những khó khăn, thách thức ban đầu để ngày càng khởi sắc hơn.

2. Kết quả nổi bật của mối quan hệ Việt Nam – CHDC Đức qua tài liệu lưu trữ

Trong bối cảnh toàn cầu hóa, việc có được mối quan hệ tốt đẹp trong quá khứ luôn luôn là một lợi thế. Chính vì vậy mà ngày nay, Việt Nam vẫn đang nỗ lực trong việc tiến hành nghiên cứu, tìm hiểu và làm sống lại nhiều vấn đề, sự kiện trong lịch sử ngoại giao nói chung, lịch sử ngoại giao với Đức nói riêng. Với mối quan hệ đặc biệt Việt Nam – CHDC Đức (1950 – 1990), tài liệu lưu trữ (TLLT) thực sự trở thành công cụ hữu hiệu và có độ tin cậy cao để các nhà nghiên cứu có thể tái hiện lại quãng thời gian 40 năm hai Nhà nước đã sát cánh bên nhau trong công cuộc xây dựng, bảo vệ Tổ quốc mình. Hầu như toàn bộ TLLT về quan hệ Việt Nam – CHDC Đức giai đoạn 1950 – 1990 hiện nằm trong các phòng được bảo quản tại Trung tâm Lưu trữ Quốc gia III Hà Nội, bao gồm các phòng Phủ Thủ tướng, Phòng Quốc hội, Phòng Văn phòng Quốc hội, Phòng Bộ Nội vụ, Phòng Ủy ban Kế hoạch Nhà nước,... có thời gian tài liệu từ năm 1950 đến 1990 – gần như tương ứng với thời gian tồn tại của Nhà nước CHDC Đức.

Thông qua TLLT, mối quan hệ Việt Nam – CHDC Đức giai đoạn 1950 – 1990 được tái

hiện tương đối đầy đủ và sinh động, khắc họa rõ nét những mặt hoạt động, những kết quả nổi bật mà quan hệ ngoại giao hai nước đem lại cho nhau. Nhìn chung, ở hầu hết các mặt trong quan hệ ngoại giao, hai nước đều đạt được những kết quả rất đáng ghi nhận.

- Trước hết phải kể đến hoạt động viện trợ của CHDC Đức dành cho Việt Nam. Có thể nói, đây là một trong những hoạt động nổi bật, được tiến hành từ rất sớm. *Báo cáo của Văn phòng Phủ thủ tướng về tình hình tổng quát các mặt quan hệ kinh tế, kỹ thuật – khoa học Việt Nam ĐCCH và CHDC Đức từ năm 1955 – 1973*² cho thấy:

Về viện trợ kinh tế, từ năm 1955 đến năm 1973 CHDC Đức đã cho Việt Nam vay dài hạn 284 triệu Rúp, (riêng giai đoạn 1965-1973 là 270 triệu Rúp). Trong đó nhập thiết bị toàn bộ là 73 triệu Rúp, nhập thiết bị lẻ tẻ, vật tư, hàng hóa là 211 triệu Rúp. Bên cạnh đó, việc hỗ trợ các thiết bị quân sự, chuyển giao công nghệ, khoa học kỹ thuật, cung cấp các thiết bị dạy học, y tế,... cũng được coi là hình thức viện trợ mà CHDC Đức dành cho Việt Nam. Nếu giai đoạn đầu hoạt động viện trợ chủ yếu dưới hình thức viện trợ nhân đạo, thì những năm sau này khi Việt Nam đã xây dựng được ít nhiều cơ sở vật chất, hoạt động này đã gắn nhiều hơn với hợp tác kinh tế. Điều đặc biệt là dù trong bối cảnh nào, hình thức thể hiện ra sao thì hoạt động viện trợ vẫn luôn được duy trì một cách liên tục và ổn định. Điều này là minh chứng đầy thuyết phục cho mối quan hệ thân thiết, bền chặt của nhân dân hai nước Việt – Đức.

Về hợp tác kinh tế - thương mại, đây là mặt hoạt động nổi bật hơn cả và thực tế khối TLLT phản ánh vấn đề này cũng có số lượng đáng kể nhất. Hợp tác kinh tế - thương mại Việt Nam – CHDC Đức giai đoạn 1950 – 1990 bao gồm: hoạt động ngoại thương nói chung; hoạt động đàm phán thương mại, ký hiệp định, nghị định thư về kinh tế, thương mại; đàm phán, ký hiệp định, nghị định thư về trao đổi hàng hóa; dự hội chợ thương mại; tài liệu của Ủy ban Hợp tác kinh tế Việt Nam – CHDC Đức... Ở mức cụ thể hơn là hợp tác trên các lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp,

công nghiệp, giao thông, bưu chính; tài liệu về trao đổi chuyên gia, giúp đỡ xây dựng, cải tạo nhà máy, xí nghiệp của CHDC Đức cho Việt Nam... Một trong những nội dung quan trọng trong nhóm tài liệu hợp tác kinh tế - thương mại còn phải kể đến vấn đề hợp tác lao động giữa Việt Nam và CHDC Đức. Đầu tiên qua các năm, CHDC Đức đã nhận từ Việt Nam hàng chục vạn lao động, phân bổ vào các ngành nghề và vùng miền khác nhau trên khắp đất Đức. Tháng 10/1969, Ủy ban hợp tác kinh tế Việt Nam – CHDC Đức được thành lập, càng đẩy mạnh hơn nữa quan hệ hợp tác kinh tế - thương mại giữa hai nước. Nhiều nhà máy, dự án kinh tế với sự đầu tư, góp sức của CHDC Đức đã ra đời và đi vào hoạt động hiệu quả, đem lại nhiều lợi nhuận cho nền kinh tế Việt Nam. Ít ai biết được rằng, CHDC Đức là quốc gia chính giúp khởi phát ngành trồng cà phê trên vùng trung, cao nguyên Việt Nam, là tiền đề để ngày nay Việt Nam trở thành một “cường quốc cà phê” trên thế giới. “Chiến dịch V” – sản xuất tiền Việt Nam ở CHDC Đức từ sau năm 1976 hay dự án cải tạo, xây dựng thành phố Vinh lại là những minh chứng khác cho sự hợp tác sâu rộng giữa hai nền kinh tế Việt – Đức. TLLT về nội dung này đã cho thấy quá trình hợp tác kinh tế giữa Việt Nam và CHDC Đức là một quá trình ổn định và liên tục, càng về sau càng được mở rộng và chuyên sâu hơn. Hệ thống hồ sơ về quá trình đàm phán, ký kết, kế hoạch triển khai cụ thể cũng như các hiệp định, nghị định thư chính thức về hợp tác, trao đổi thương mại giữa Việt Nam và CHDC Đức qua các năm hiện vẫn được bảo quản nguyên vẹn tại Trung tâm Lưu trữ Quốc gia III Hà Nội là minh chứng không thể rõ ràng hơn cho mối quan hệ bền chặt đặc biệt này.

- Bên cạnh vấn đề hợp tác kinh tế - thương mại, hợp tác về khoa học kỹ thuật, văn hóa, giáo dục, y tế giữa Chính phủ Việt Nam và CHDC Đức giai đoạn 1950 – 1990 cũng đạt được những kết quả khả quan. CHDC Đức đã tích cực chuyển giao công nghệ, tri thức, cử nhiều đoàn cán bộ sang giúp đỡ Việt Nam ở nhiều lĩnh vực. Từ năm 1955 – 1973, CHDC Đức đã cử sang Việt Nam 682 chuyên gia hướng dẫn xây dựng

các công trình, nhận đào tạo 72 thực tập sinh về vận hành máy và quản lý công trình; đào tạo dài hạn 2.694 cán bộ trong khoảng 1966 – 1972. Đặc biệt CHDC Đức còn cung cấp khoảng 100 mục tài liệu kỹ thuật, bản vẽ thiết kế, trong đó có hàng vạn tiêu chuẩn kỹ thuật, tăng cường chuyển giao khoa học kỹ thuật³. Trên các lĩnh vực giáo dục, văn hóa, y tế, hai nước cũng chủ động hợp tác nhiều mặt. Giáo dục Việt Nam không chỉ nhận các nhà khoa học Đức sang giảng dạy mà chúng ta cũng đã chủ động phối hợp với Bộ Giáo dục Đức cử nhiều giáo viên Việt Nam sang một số trường giảng bộ môn tiếng Việt, ngôn ngữ, văn học cổ, lịch sử và địa lý Việt Nam. Riêng trong ngành Lưu trữ một số sinh viên được cử sang học tập tại CHDC Đức sau khi tốt nghiệp hiện đang giữ những vị trí lãnh đạo chủ chốt trong quản lý ngành và trong lĩnh vực đào tạo. Sự trao đổi giáo dục này đồng thời cũng là quá trình trao đổi về văn hóa, đưa hình ảnh đất nước và con người Việt Nam đến gần hơn với nhân dân Đức. Việc thành lập Ủy ban Hợp tác Khoa học kỹ thuật giữa Việt Nam và CHDC Đức năm 1956, tăng cường xúc tiến trao đổi, hợp tác về nhiều lĩnh vực khoa học, văn hóa hơn nữa, thể hiện bước tiến trong quan hệ hợp tác khoa học kỹ thuật, văn hóa, giáo dục, y tế giữa hai Nhà nước Việt – Đức.

- Về quan hệ chính trị - ngoại giao, do cả Việt Nam và CHDC Đức cùng nằm trong khối XHCN, nên hai nước luôn có quan hệ chính trị tốt đẹp trong suốt giai đoạn tồn tại, làm tiền đề cho những hợp tác sâu rộng tiếp theo. TLLT thuộc nhóm quan hệ chính trị - tiếp đón ngoại giao đã khắc họa hình ảnh hai dân tộc cùng đi theo con đường XHCN, ủng hộ mạnh mẽ lẫn nhau, có những quan hệ khăng khít về mặt tư tưởng, lập trường chính trị, trong nhìn nhận, giải quyết các vấn đề quốc tế; kịch liệt phản đối những chính sách phản động của bọn tư bản trên toàn thế giới. Nhà nước Việt Nam đánh giá rất cao mô hình kinh tế mà CHDC Đức lựa chọn xây dựng và lấy đó làm động lực, mục tiêu để học hỏi, phấn đấu. Đồng thời, trong các tuyên bố của mình, Chính phủ nước CHDC Đức cũng ra sức ủng hộ đường lối chính trị và cuộc cách

mạng chân chính của nhân dân Việt Nam. Lãnh đạo cấp cao hai nước đã có những chuyến thăm hữu nghị lẫn nhau, cũng như thường xuyên trao đổi thư từ, điện văn, điện mừng để cập nhật thông tin về tình hình chính trị cũng như biểu lộ sự quan tâm của chính phủ hai nước. Tiến sĩ Bernd Schaefer, trong bài tóm tắt bản tham luận CHDC Đức và Việt Nam 1966 – 1990: Mỗi quan hệ đặc biệt⁴ đã đưa ra nhận định *“Trong cộng tác Âu – Á, mỗi quan hệ giữa CHDC Đức và Việt Nam là một quan hệ độc nhất vô nhị trong phe xã hội chủ nghĩa, cũng vì sự gần gũi về chính trị giữa hai nước này”*.

Trong lịch sử quan hệ Việt Nam – CHDC Đức giai đoạn 1950 – 1990 có một vấn đề tương đối nhạy cảm đó là vấn đề tù, hàng binh quốc tịch Đức chiến đấu trong lực lượng lính lê dương Pháp. Thông qua TLLT, chúng ta thấy được vấn đề tù, hàng binh Đức chủ yếu xoay quanh tình hình đời sống vật chất, tinh thần, số lượng tù, hàng binh, danh sách những người được hồi hương. Bên cạnh đó, tài liệu cũng đề cập tới các chính sách của Nhà nước ta nhằm giải quyết các chế độ, các vấn đề, sự việc phát sinh, liên quan tới hàng binh, chủ yếu là giải quyết ly hôn, chế độ trợ cấp cho con cái vợ chồng hàng binh Đức ly hôn... TLLT cũng cho thấy Chính phủ ta đã cố gắng đáp ứng tốt nhất nhu cầu sinh hoạt của các tù, hàng binh Âu Phi tại các trại tập trung, chú trọng giáo dục chính trị, động viên và tổ chức cho một số đối tượng hàng binh được lao động sản xuất cùng người bản xứ. Nhìn chung, vấn đề tù, hàng binh quốc tịch Đức đã được giải quyết tương đối dứt điểm, triệt để ngay sau khi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp kết thúc. Chính vì vậy mà tài liệu về vấn đề này chỉ xuất hiện vào giai đoạn đầu trong quan hệ Việt Nam – CHDC Đức, thời gian sau này chúng tôi nhận thấy không còn tài liệu nào đề cập đến nữa.

3. Bài học kinh nghiệm và biện pháp duy trì, đẩy mạnh quan hệ Việt Nam – CHDC Đức.

Có thể nói, quan hệ Việt Nam – CHDC Đức giai đoạn 1950 – 1990 là mối quan hệ tốt đẹp, để lại nhiều bài học quý báu cho hai

nước Việt - Đức trong hiện tại. Việc CHDC Đức viện trợ cho Việt Nam ngay từ những ngày đầu thiết lập quan hệ ngoại giao cho thấy sự tương trợ kịp thời của các nước trong cùng khối XHCN. Hành động nhân đạo ấy không những nâng tầm ảnh hưởng của CHDC Đức, mà nó còn làm tăng cường sức mạnh nói chung của toàn bộ hệ thống XHCN trên thế giới. Đồng thời cũng là tăng cường sức mạnh của chính CHDC Đức. Đây là bài học sâu sắc về sự hợp tác tin cậy để tăng cường sức mạnh nội bộ của các thành viên và của toàn khối. Sự ra đời của hàng loạt các tổ chức, tiến trình như Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á ASEAN, Liên minh châu Âu, Diễn đàn kinh tế châu Á – Thái Bình Dương APEC, Tiến trình hợp tác Á – Âu ASEM... mà Việt Nam đang và sẽ tiếp tục là thành viên tích cực đã minh chứng cho xu hướng toàn cầu hóa ngày càng sâu rộng và nhấn mạnh tính khả dụng của bài học tăng cường liên kết, tương trợ lẫn nhau. Ngoài ra, những kinh nghiệm thu được từ quá trình đàm phán quốc tế, hợp tác thương mại, văn hóa, giáo dục, khoa học kỹ thuật trong suốt bốn thập kỷ thiết lập và duy trì quan hệ ngoại giao với CHDC Đức sẽ là “lương vốn” giúp Việt Nam hiểu biết hơn về người bạn lớn này, từ đó có thể chủ động trong các quan hệ hợp tác giai đoạn hiện tại.

Để duy trì và đẩy mạnh quan hệ Việt Nam – CHLB Đức, chúng ta cần nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của việc tìm hiểu, nghiên cứu sâu sắc đất nước CHLB Đức, coi đó là quá trình nghiên cứu và lâu dài. Cần thành lập nhiều hơn nữa những “viện Goethe” ở Việt Nam, ngoài việc nghiên cứu văn hóa và ngôn ngữ Đức thì nhất thiết phải chú trọng tìm hiểu các giá trị khác mà CHLB Đức đã thiết lập được và thực tế đã chứng minh tính hiệu quả như mô hình kinh tế thị trường xã hội Đức, cách tạo dựng và duy trì các thương hiệu thương mại nổi tiếng thế giới⁵ hay văn hóa làm việc đã trở thành “đặc sản” của người Đức. Vận động, phối hợp với chính phủ Đức để thành lập những viện, nhà “Hồ Chí Minh”, “Nguyễn Trãi” nhằm tăng cường “xuất khẩu văn hóa” Việt tới CHLB Đức và xa hơn nữa là cộng đồng châu Âu và

trên toàn thế giới. Ngày nay, CHLB Đức đang là đối tác thương mại lớn nhất của Việt Nam trong khối thị trường Liên minh châu Âu. Để duy trì và khai thác hiệu quả hơn nữa tiềm năng hợp tác giữa hai nước, việc “xuất khẩu văn hóa”, ngoại giao văn hóa hẳn là một hướng đi, một cách tiếp cận đầy tính khả thi. Quảng bá hình ảnh đất nước và con người Việt Nam, giới thiệu những tinh hoa văn hóa dân tộc đến những người bạn Đức, tạo cảm giác hiếu kỳ, thân thiện, gần gũi với nhân dân Đức phải chăng cũng là một cách để tiếp cận và chiếm lĩnh thị trường châu Âu đầy tiềm năng và có tính ổn định cao này. Việc tăng cường trao đổi học thuật giữa hai nước cũng cần được đẩy mạnh thêm thông qua các cơ quan có uy tín như Cơ quan trao đổi hàn lâm Đức (DAAD) hay các quỹ nghiên cứu, hợp tác phát triển của CHLB Đức đang hiện diện ở Việt Nam như KAS, Rosa Luxemburg, DED... Tháng 9 năm 2010 đánh dấu mốc kỉ niệm tròn 35 năm quan hệ Việt Nam – CHLB Đức. Đây càng là dịp thích hợp để chúng ta xem xét, đánh giá lại một cách tổng thể mối quan hệ với CHDC Đức trong 40 năm từ 1950 đến 1990 cũng như những năm sau này với CHLB Đức như một sự tiếp nối quan trọng. Từ đó nhiều bài học lịch sử sẽ được rút ra và chắc chắn sẽ giúp cho quan hệ Việt Nam – CHLB Đức những năm tiếp theo sẽ xứng tầm với bề dày của quan hệ lịch sử giữa Việt Nam với dân tộc Đức và nhà nước Đức./

Chú thích:

1. Ngày 18/01/1950, Chính phủ nước CHND Trung Hoa và ngày 30/01/1950 là Chính phủ Liên bang CHXHCN Xô Viết đã ra tuyên bố công nhận sự tồn tại của Chính phủ Nước Việt Nam DCCH, tiếp theo đó là sự công nhận của các nước CHNCND Triều Tiên (31/01), Tiệp Khắc (02/02), CHDC Đức, CHDN Hungari, CHND Rumania (08/02), CHND Balan (04/02), CHND Bungari (08/02), CHND Anbani (11/02).

2. Hồ sơ số 9132, Phòng Phủ Thủ tướng, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia III Hà Nội.

3. Trích Báo cáo về tình hình tổng quát các mặt quan hệ kinh tế, kỹ thuật – khoa học Việt Nam Dân chủ cộng hòa và CHDC Đức từ năm 1955 đến năm 1973

(hồ sơ số 9132, Phòng Phủ Thủ tướng, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia III Hà Nội).

4. Tham luận tham gia Hội thảo quốc tế Quan hệ Đức – Việt: Quá khứ và triển vọng, tổ chức vào ngày 25, 26/03/2010 tại Phòng Hội thảo, Nhà H, tầng 4, Trường ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn Hà Nội.

5. Những thương hiệu trở thành niềm tự hào của CHLB Đức và là sự ngưỡng mộ của toàn thế giới: máy bay Airbus, các hãng xe hơi Audi, BMW, Mercedes – Benz, Porsche, điện thoại Siemen...

Danh mục tài liệu tham khảo

1. Ê-rich Hô-nêch-cơ. Báo cáo của Ban chấp hành Trung Ương Đảng XHCN Thống nhất Đức tại Đại hội IX của Đảng. NXB Sự thật, H.1976.

2. Nguyễn Duy Quý. Tiến trình hợp tác Á – Âu và những đóng góp của Việt Nam. NXB Khoa học xã hội, H.2006.

3. An Mạnh Toàn. Tìm hiểu những đặc điểm trong chính sách đối ngoại của CHLB Đức 50 năm qua. Tạp chí Nghiên cứu châu Âu, số 02 – 1999.

4. Nguyễn Thị Quế. Quá trình phát triển chính sách đối ngoại của CHLB Đức. Tạp chí Nghiên cứu châu Âu, số 07 – 2007, tr 7 – 15.

Các bài tham luận (trình bày tại Hội thảo quốc tế Quan hệ Việt – Đức: Quá khứ và triển vọng. Ngày 24 – 25/03/2010, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Hà Nội):

5. Ben Sô-tra-phơ. CHDC Đức và Việt Nam: mối quan hệ đặc biệt.

6. Lương Văn Kế. Chân dung kiểu Việt Nam về kinh tế thị trường xã hội Đức – nhìn lại các quan niệm của trí thức Việt Nam và khả năng vận dụng mô hình này cho Việt Nam.

Tài liệu lưu trữ

7. Phòng Bộ Nội vụ. Hồ sơ số 3723: Báo cáo của Cục Dịch vận – Tổng cục Chính trị về tình hình hàng binh Âu Phi toàn quốc đề nghị giải quyết và thống kê các đoàn tù binh Âu Phi phỏng thích và hồi hương từ năm 1950 – 1954.

8. Phòng Phủ Thủ tướng. Hồ sơ số 7662: Báo cáo của Bộ Thương nghiệp tổng kết tình hình đàm phán với phái đoàn thương mại CHDC Đức năm 1957.

9. Phòng Phủ Thủ tướng. Hồ sơ số 7702: Biên bản, Nghị định thư về hợp tác văn hóa KHKT năm 1959 với CHDC Đức.

10. Phòng Phủ Thủ tướng. Hồ sơ số 7804: Các giải pháp hòa bình đối với nước Đức do Hiệp hội hòa bình của CHDC Đức gửi Thủ tướng năm 1961.

11. Phòng Quốc hội. Hồ sơ số 996: Hồ sơ về việc nước Việt Nam DCCH ra tuyên bố ủng hộ giải thư của Quốc hội nước CHDC Đức về những âm mưu trang bị vũ khí nguyên tử của nước CHLB Đức năm 1962.

12. Phòng Văn phòng Quốc hội. Hồ sơ số 4409: Hồ sơ về hợp tác lao động Việt Nam – CHDC Đức năm 1987.